

HƯỚNG DẪN HỌC

TIẾNG VIỆT

LỚP **3** Quyển 1



TUẦN 1: MĂNG NON

TẬP ĐỌC

"Cậu bé thông minh" (Truyện cổ Việt Nam)

"Hai bàn tay em" (Huy Cận)

KỂ CHUYỆN

"Cậu bé thông minh"

CHÍNH TẢ

Tập chép, Nghe – viết

Phân biệt l/n, an/ang, ao/oao

Bảng chữ cái

Bài 1. Điền vào chỗ trống **l** hoặc **n**?

- a. "...ấm gian ...ều cỏ thấp ...e te
Ngõ tối đêm sâu đóm ...ập ...òe
...ưng giậu phất phơ màu khói nhạt
...àn ao ...óng ...ánh bóng trăng ...oe."
(Theo Nguyễn Khuyến)

- b. "Bác làm nghề chở đồ đã ...ấm ...ấm ...ay. Với chiếc thuyền ...an ...ênh đênh mặt nước, ngày ...ày qua tháng khác, bác chăm ...o đưa khách qua ...ại trên sông."

Bài 2. Điền vào chỗ trống **l** hoặc **n** và giải câu đố sau:

"Cũng từúaếp sinh ra
Xanh xanh từng hạt, đậm đà quê hương
....úcàm bánh, khiấu chè
....á sen ủ ngát đi về cùng theo."

Là gì?

Bài 3. Điền **an** hoặc **ang** vào chỗ trống thích hợp (thêm dấu thanh nếu cần):

- a. Cửa h..... nhà em b..... hoa quả.
b. T..... b..... đã xòe rộng cả một góc sân.
c. Dân l..... đàn h..... ng..... đắp đập.
d. Trên đài qu..... sát, anh chiến sĩ nhìn s..... trận địa quân thù, thấy xe pháo ngổn ng.....

Bài 4. Điền vào chỗ trống **ao** hoặc **oao** (thêm dấu thanh nếu cần):

lao x.....	xôn x.....	phi l.....	h..... mòn
ngoao ng.....	quần	lảo đ.....	ngهن ng.....

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Ôn về từ chỉ sự vật

So sánh

I. Kiến thức

1. Từ chỉ sự vật

- Từ chỉ sự vật là những từ chỉ người, đồ vật, con vật, cây cối...
- Từ chỉ sự vật được chia thành nhiều loại: Từ chỉ người, từ chỉ đồ vật, từ chỉ cây cối, từ chỉ con vật, từ chỉ hiện tượng thiên nhiên, từ chỉ khái niệm...

2. So sánh

a. So sánh là gì?

Ví dụ: "Mặt trăng tròn như quả bóng."

So sánh là đối chiếu hai sự vật, hiện tượng khác nhau dựa trên điểm giống nhau giữa chúng, nhằm làm nổi bật sự vật được so sánh.

b. Cấu tạo của phép so sánh

- Thông thường, phép so sánh gồm 4 yếu tố: sự vật được so sánh, sự vật so sánh, đặc điểm so sánh và từ so sánh.
- Trong một số trường hợp, đặc điểm so sánh hoặc từ so sánh có thể không xuất hiện.

Ví dụ:

"Trẻ em như búp trên cành

Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan."

c. Tác dụng của so sánh

- Làm câu thơ, câu văn hay và giàu hình ảnh, ý nghĩa hơn.
- Giúp sự vật hiện lên sinh động, cụ thể hơn.
- Nhấn mạnh đặc điểm của sự vật được so sánh.

II. Bài tập

Bài 1. Đọc bài văn sau:

Họa Mi hót

"Mùa xuân! Mỗi khi Họa Mi tung ra những tiếng hót vang lừng, mọi vật như có sự đổi thay kì diệu!

Trời bỗng sáng thêm ra. Những luồng ánh sáng chiếu qua các chùm lộc mới hóa rực rỡ hơn. Những gợn sóng trên hồ hòa nhịp với tiếng Họa Mi hát, lấp lánh thêm. Da trời bỗng xanh cao. Những làn mây trắng trắng hơn, xốp hơn, trôi nhẹ nhàng hơn. Các loài hoa nghe tiếng hát trong suốt của Họa Mi chợt bừng giấc, xòe những cánh hoa đẹp, bày đủ các màu sắc xanh tươi. Tiếng hát dịu dặt của Họa Mi giục các loài chim dạo lên những khúc nhạc từng bừng, ca ngợi núi sông đang đổi mới.

Chim, Mây, Nước và Hoa đều cho rằng tiếng hát kì diệu của Họa Mi đã làm cho tất cả bừng giấc... Họa Mi thấy lòng vui sướng, cố hát hay hơn nữa."

(Theo Võ Quảng)

- a. Khi nào Họa Mi tung ra những tiếng hát vang lừng?
- b. Các loài hoa nghe tiếng hát trong suốt của Họa Mi chợt thế nào?
- c. Tiếng hát của Họa Mi đã giục các loài chim làm gì?
- d. Tìm 5 từ chỉ sự vật có trong bài văn trên.

Bài 2. Đặt câu kiểu "Ai là gì?" nói về các sự vật sau:

a. cặp sách

b. hộp bút

c. hoa hồng

Bài 3. Gạch dưới từ so sánh trong các câu thơ sau:

- a. "Hoa lựu chói chang
Đỏ như đốm lửa."
- b. "Trăng hồng như quả chín
Lơ lửng lên trước nhà."
- c. "Chim gù liệng tựa thoi đưa
Báo mùa xuân đẹp say sưa giữa trời."

Bài 4. Điền vào chỗ trống từ ngữ thích hợp để tạo câu có hình ảnh so sánh:

- a. Từ trên cao, Hồ Gươm trông như
- b. Hàng trăm bông hoa giấy thắm đỏ nở đồng loạt như
- c. Dưới ánh nắng chói chang, hàng ngàn lá cọ xòe ra như

Bài 5. Đọc đoạn thơ sau:

Trăng lưỡi liềm

"Những ngôi sao trên trời	Vằng trăng như lưỡi liềm
Như cánh đồng mùa gặt	Ai bỏ quên giữa ruộng
Vàng như những hạt thóc	Hay bác Thần Nông mượn
Phơi trên sân nhà em.	Của mẹ em lúc chiều."

(Theo Nguyễn Hưng Hải)

- a. Tìm những sự vật được so sánh với nhau trong đoạn thơ trên.
- b. Trong đoạn thơ, em thích hình ảnh so sánh nào nhất? Vì sao?

Bài 6. Viết khoảng 5 câu tả một loài cây hoặc loài hoa em thích, trong đó có sử dụng biện pháp so sánh.

TẬP LÀM VĂN Nói về Đội TNTP

Điền vào giấy tờ in sẵn

I. Kiến thức

- Đội TNTP được thành lập ngày 15 tháng 5 năm 1941, ở thôn Nà Mạ, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.
- Những đội viên đầu tiên: Nông Văn Dền (đội trưởng) – Bí danh Kim Đồng, Nông Văn Thàn – Bí danh Cao Sơn, Lý Văn Tịnh – Bí danh Thanh Minh, Lý Thị Nì – Bí danh Thủy Tiên, Lý Thị Xậu – Bí danh Thanh Thủy.
- Từ ngày 30/01/1970, Đội mang tên Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

II. Bài tập

Em sẽ phấn đấu như thế nào để được vào Đội TNTP Hồ Chí Minh?

PHIẾU CUỐI TUẦN 01

Bài 1. Gạch dưới các từ chỉ sự vật trong những từ sau:

cánh đồng, đẹp, tấm thảm, ruộng vườn, bờ bãi, con chim, chiếc lá, xanh, biểu diễn, chuyên cần, bến cảng, cao nguyên, xa xôi, chói chang, thiên nhiên, thăm thẳm

Bài 2. Gạch dưới từ chỉ sự vật trong các đoạn thơ sau:

a. "Hoa cà tím tím

Hoa huệ trắng tinh

Hoa nhài xinh xinh

Đua nhau cùng nở."

(Thu Hà)

b. "Hai bàn tay em

Như hoa đầu cành

Hoa hồng hồng nụ

Cánh tròn ngón xinh."

(Huy Cận)

Bài 3. Gạch dưới từ ngữ không thuộc nhóm từ chỉ sự vật:

a. bãi biển, bao la, bài tập, nghệ sĩ, tiếng Việt, bến cảng

b. biểu diễn, cánh đồng, cao nguyên, công viên

c. sở liên lạc, quê hương, sông biển, hùng vĩ, đất nước, nhà trường

Bài 4. Nối thích hợp để tạo các câu có hình ảnh so sánh:

1. Nụ cười em bé
2. Mái tóc của mẹ em
3. Tiếng ve
4. Điểm 10 trong vở
5. Đôi mắt chú mèo

a. tròn và trong veo như hai hòn bi ve.
b. chúm chím như bông hoa vừa hé nở.
c. đỏ chói như một bông hoa.
d. mềm mại như dòng suối.
e. là bản hòa tấu rộn rã của mùa hè.

Bài 5. Gạch dưới những sự vật được so sánh với nhau trong các câu thơ, câu văn dưới đây rồi điền vào bảng:

a. Trường học thân thương như ngôi nhà của em.

b. Mái tóc của bà em trắng như bông.

c. Cánh đồng lúa chín đẹp như một tấm thảm.

d. Khi cá vàng khẽ uốn lưng thì đuôi xoè rộng như một dải lụa màu da cam còn khoan thai uốn lượn mãi.

e. Từ xa nhìn lại, cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ. Hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi. Hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh. Tất cả đều lóng lánh, lung linh trong nắng.

f. Hoa lựu như lửa lập lòe
Nhớ khi em tưới, em che hằng ngày.

Sự vật được so sánh	Từ so sánh	Sự vật so sánh

Bài 6. Điền từ ngữ chỉ sự vật vào chỗ chấm để có câu sử dụng biện pháp so sánh:

- a. Các em nhỏ đùa vui ríu rít như
- b. Chú gà trống như giúp mọi người thức dậy đúng giờ.
- c. Bộ lông chú mèo mềm và mịn như
- d. Rễ cây ngoằn ngoèo trên mặt đất như

TUẦN 2: MĂNG NON

TẬP ĐỌC

"Ai có lỗi?" (Theo A-mi-xi)

"Cô giáo tí hon" (Theo Nguyễn Thi)

KỂ CHUYỆN

"Ai có lỗi?"

CHÍNH TẢ

Nghe – viết

Phân biệt uêch/uyu, s/x, ăn/ăng

Bài 1. Điền **uêch** hoặc **uyu** vào chỗ trống (thêm dấu thanh nếu cần):

kh..... tay rỗng t..... kh..... trương khúc kh.....

Bài 2. Điền **ăn** hoặc **ăng** vào chỗ trống thích hợp (thêm dấu thanh nếu cần):

- | | |
|--------------------------|--------------------------------|
| a. Món m..... xào m..... | b. Chiếc kh..... tr..... tinh. |
| c. Tr..... sắp l..... | d. C..... phòng thật im |

Bài 3. Điền **s** hoặc **x** vào chỗ trống thích hợp:

.....ánguốtungướngảng khoáiùì
.....oa đầu	chimâuang đường	lênuống
.....âu kiminhốnganẻ	trongạch

Bài 4. Điền **s** hoặc **x** thích hợp vào chỗ trống:

"Như hòn ...ỏi nhỏ
Ném vào lùm cây
Vành khuyên thoát đậu
...uống đám lá dày

Lại bay cái vút
Chim biến bất ngờ
...ôn ...ao cành lá
Như còn ngẩn ngơ."

(Theo Nguyễn Văn Chương)

Bài 5. Giải các câu đố sau:

a. "Dệt từ sợi bông
Mà lại có công
Giúp người rửa mặt."
Là gì?

b. "Vài hàng cước trắng
Có cán cầm tay
Giúp bé hằng ngày
Đánh răng bóng sạch."
Là gì?

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Mở rộng vốn từ "Thiếu nhi"

Ôn tập câu "Ai là gì?"

I. Kiến thức**1. Mở rộng vốn từ: "Thiếu nhi"**

- Từ chỉ trẻ em: "thiếu nhi", "trẻ con", "nhi đồng"...
- Từ chỉ tính nết trẻ em: "vâng lời", "ngoan ngoãn", "ngây thơ", "hồn nhiên"...
- Từ chỉ tình cảm hoặc sự chăm sóc của người lớn đối với trẻ em: "dạy dỗ", "yêu thương", "chỉ bảo", "nâng đỡ"...

2. Ôn tập câu "Ai là gì?"**a. Ví dụ**

- "Thành phố Huế là kinh đô xưa của nước ta."
- "Con cò là biểu tượng của người dân Việt Nam cần cù."

b. Các bộ phận của kiểu câu "Ai là gì?"

- Xét các ví dụ trên:

Bộ phận chính thứ nhất	Từ nối	Bộ phận chính thứ hai
Thành phố Huế	là	kinh đô xưa của nước ta.
Con cò		biểu tượng của người dân Việt Nam cần cù.

- Nhận xét:

+ Bộ phận chính thứ nhất (BPCT1) nêu lên sự vật, sự việc, hiện tượng và trả lời cho các câu hỏi: "Ai?", "Cái gì?", "Con gì?".

+ Bộ phận chính thứ hai (BPCT2) thường giới thiệu, nêu nhận định, đánh giá về sự vật, sự việc, hiện tượng đã được nói đến ở bộ phận chính thứ nhất và trả lời cho câu hỏi: "Là gì?".

+ Bộ phận chính thứ nhất nối với bộ phận chính thứ hai bằng từ "là".

c. Tác dụng của kiểu câu "Ai là gì?"

- Giới thiệu về người, vật, việc, hiện tượng.

Ví dụ: "Lúc-xăm-bua là một đất nước nhỏ ở châu Âu, cạnh nước Bỉ, Đức và Pháp."

- Nêu nhận định, nhận xét hoặc đánh giá về người, vật, việc, hiện tượng.

Ví dụ: "Lan là một học sinh xuất sắc."

II. Bài tập

Bài 1. Đặt câu với mỗi từ sau: “măng non”, “lễ phép”, “ngoan ngoãn”, “chăm chỉ”.

Bài 2. Đọc bài thơ sau:

Khi mẹ vắng nhà

“Khi mẹ vắng nhà, em luộc khoai	Chiều mẹ về, cỏ đã quang vườn
Khi mẹ vắng nhà, em cùng chị giã gạo	Tối mẹ về, cổng nhà sạch sẽ
Khi mẹ vắng nhà, em thổi cơm	Mẹ bảo em: Dạo này ngoan thế!
Khi mẹ vắng nhà, em nhổ cỏ vườn	– Không, mẹ ơi! Con đã ngoan đâu!
Khi mẹ vắng nhà, em quét sân và quét cổng.	Áo mẹ mưa bạc màu
Sớm mẹ về, thấy khoai đã chín	Đầu mẹ nắng cháy tóc
Buổi mẹ về, gạo đã trắng tinh	Mẹ ngày đêm khó nhọc
Trưa mẹ về, cơm dẻo và ngon	Con chưa ngoan, chưa ngoan!”

(Theo Trần Đăng Khoa)

a. Bạn nhỏ trong bài thơ đã làm những việc gì giúp đỡ mẹ khi mẹ vắng nhà?

b. Vì sao bạn nhỏ không dám nhận lời khen của mẹ?

c. Em có suy nghĩ gì về câu trả lời của bạn nhỏ ở cuối bài thơ trên?

Bài 3. Khoanh vào chữ cái trước câu viết theo kiểu “Ai là gì?”:

- a. Ở Trường Sơn, mỗi khi trời nổi gió, cảnh tượng thật là dữ dội.
- b. Tấm và Cám là hai chị em cùng cha khác mẹ.
- c. Mẹ là quần áo chuẩn bị cho em đi dự lễ khai giảng năm học mới.
- d. Vua biết là đã tìm được người giỏi, bèn trọng thưởng cho cậu bé.

Bài 4. Nối từ chỉ con vật ở cột A với từ ngữ tương ứng ở cột B để tạo thành các câu kiểu “Ai là gì?”:

A
1. Con hổ
2. Gà trống
3. Con trâu
4. Chim công
5. Cá sấu

B
a. là bạn của nhà nông.
b. là nghệ sĩ múa tài ba.
c. là dũng sĩ của đầm lầy.
d. là sứ giả của bình minh.
e. là chúa sơn lâm.

Bài 5. Đặt câu hỏi cho bộ phận được gạch dưới trong các câu sau:

- a. Ông tôi là thợ gò hàn vào loại giỏi.
- b. Hoa phượng là loài hoa của mùa hạ.
- c. Sầu riêng là thứ trái đặc trưng của miền Nam.
- d. An-be Anh-xanh là một nhà khoa học vĩ đại

TẬP LÀM VĂN Viết đơn

Điền tiếp vào chỗ trống để viết một đơn xin phép nghỉ học.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

ĐƠN XIN PHÉP NGHỈ HỌC

Kính gửi: Cô giáo (thầy giáo) chủ nhiệm lớp

Trường Tiểu học:

Em tên là:

Học sinh lớp:

Em làm đơn này xin phép cô giáo (thầy giáo) cho em nghỉ buổi học:

.....

.....

Lí do nghỉ học:

Em xin hứa:

Em xin cảm ơn!

Ý kiến của gia đình học sinh

Học sinh

.....

PHIẾU CUỐI TUẦN 02

Bài 1. Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống: “trẻ em”, “trẻ con”, “lễ phép”.

- Tính bạn ấy còn quá.
- Cô dạy chúng em phải chào hỏi khi gặp người lớn tuổi.
- cần được chăm sóc và bảo vệ thật tốt.

Bài 2. Gạch một gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi “Ai (cái gì, con gì)?”, gạch hai gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi “Là gì?”:

- “Gót là nhà soạn kịch và nhà thơ lớn lỗi lạc người Đức. Các tác phẩm của ông là những hòn ngọc trong kho tàng văn học Đức và thế giới.”
- “Gót sinh trưởng trong một gia đình giàu có ở thành phố Phơ-răng-phuốc. Cha Gót là một viên quan ở triều đình. Mẹ Gót là con gái một gia đình công chức. Bà là người tài hoa, hiền lành, dịu dàng, chơi pi-a-nô rất giỏi.”
- “Cửa là đôi cánh đầu tiên
Mở ra đất nước, thiên nhiên, con người.”

Bài 3. Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được gạch dưới:

- Bét-thô-ven là nhà soạn nhạc nổi tiếng trên thế giới.
- Chim chích là loài chim nhỏ nhắn, nhanh nhẹn và đáng yêu.
- Trẻ em là tương lai của đất nước.
- Giọt sương mai là lời chào buổi sớm.
- Bác sĩ là người khám bệnh và chữa bệnh cho mọi người.

Bài 4. Nối từ ngữ thích hợp ở cột A với cột B để tạo thành câu kiểu "Ai là gì?":

A	B
1. Đác-uyn	a. là ngôi nhà thân thương của chúng em.
2. Hà Nội	b. là nhà sinh vật học nổi tiếng người Anh.
3. Mái trường	c. là Thủ đô của nước Việt Nam.
4. Tiếng ve	d. là khúc nhạc của mùa hè.

Bài 5. Điền các sự vật được so sánh với nhau vào bảng sau cho phù hợp:

- a. "Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè
Tỏa nắng xuống dòng sông lấp lánh."
- b. "Dưới gốc phượng già, những cánh hoa phượng rụng phủ kín mặt đất như tấm thảm đỏ."
- c. "Ngọn đèn sáng tựa trăng rằm."

Sự vật được so sánh	Sự vật so sánh

Bài 6. Viết 5 câu kể về một người bạn học cùng lớp, trong đó có sử dụng kiểu câu "Ai là gì?".

TUẦN 3: MÁI ẤM

TẬP ĐỌC

“Chiếc áo len” (Theo Từ Nguyên Thạch)

“Quạt cho bà ngủ” (Thạch Quỳ)

KỂ CHUYỆN

“Chiếc áo len”

CHÍNH TẢ

Tập chép, nghe – viết

Phân biệt tr/ch; ăc/oăc; dấu hỏi/dấu ngã

Bài 1. Điền **ch/tr** thích hợp vào chỗ trống:

“Cô về với bản ngày đầu
Cầueo nhún nhảy qua cầuưa quen
Cô ơi nắm lấy tay em
Suối sâu mặc suối cầu bênẳng sao
Cô lên dạy học vùng cao
Cầu ơi cầuở nghiêngao quáừng
Nếu như cầu tỏ nỗi mừng
Bànân cô bước, cầu đừng rung lên
Hình như cầu hiểu lời em
.....ẳng tinh mây núi lặng yên che đầu.”

(“Qua cầu” – Theo Vương Trọng)

Bài 2. Điền tiếng chứa **tr/ch** thích hợp vào chỗ trống:

“Miệng và chân cãi rất lâu, nói:
– Tôi hết đi lại, phải bao nhiêu điều đau đớn, nhưng
đến đâu, cứ có gì ngon lành là anh được xơi tất. Thật bất công quá!
Miệng từ tốn lời:
– Anh nói mà lạ thế! Nếu tôi mà ngừng ăn, liệu anh có bước nổi nữa
không nào?”

Bài 3. Điền **ăc/oăc** vào chỗ trống (thêm dấu thanh nếu cần):

vững ch.....	ng..... tay	ăn m.....	lạ h.....
nh..... nhờ	màu s.....	nghi h.....	th..... m.....

Bài 4. Điền thanh hỏi/thanh ngã vào tiếng in đậm:

"Hôm qua còn lấm tấ
Chen **lân** màu lá xanh
Sáng ra bùng **lửa** **thâm**
Rừng rực cháy trên càn
Bà ơi! Sao mà nhanh!
Phượng **mơ** nghìn mắt **lừa**

Cả **đay** phố nhà mình
Một trời hoa phượng **đỏ**
Hay đêm qua không **ngu**?
Chị gió quạt cho cây?
Hay mặt trời **u** **lừa**
Cho hoa bùng hôm nay."

(Trích "Hoa phượng" – Theo Lê Huy Hòa)

LUYỆN TỪ VÀ CÂU So sánh

Dấu chấm

I. Kiến thức

1. So sánh

a. Các từ chỉ sự so sánh: "tựa", "như", "là"...

b. Các kiểu so sánh

– So sánh ngang bằng: chứa từ so sánh "như", "như là", "giống như", "tựa", "giống hệt"...

Ví dụ: "Mặt trời đỏ rực như quả cầu lửa khổng lồ."

– So sánh hơn kém: chứa từ so sánh "hơn", "chẳng bằng", "kém"...

Ví dụ: "Những ngôi sao thức ngoài kia / Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con."

2. Dấu chấm (.)

Dấu chấm đứng ở cuối câu; thường dùng để kết thúc một câu kể (giới thiệu, miêu tả, nêu ý kiến hoặc nhận xét).

– Câu giới thiệu về người, vật, việc:

Ví dụ: "Bạn Hoa là lớp trưởng của lớp 3A."

– Câu miêu tả đặc điểm:

Ví dụ: "Mưa xuống sầm sập, giọt ngã, giọt bay, bụi nước tỏa trắng xóa."

– Câu nêu ý kiến, nhận xét:

Ví dụ: "Kéo co là một trò chơi thể hiện tinh thần thượng võ của dân tộc ta."

II. Bài tập

Bài 1. Điền các dấu câu thích hợp vào những ô trống trong đoạn trích sau:

“Một lúc lâu, bỗng em nghe tiếng anh Tuấn thì thào với mẹ:

– Mẹ ơi, mẹ dành hết tiền mua cái áo ấy cho em Lan đi ☐ Con không cần thêm áo đâu ☐

Giọng mẹ trầm xuống:

– Năm nay trời lạnh lắm ☐ Không có áo ấm, con sẽ ốm mất ☐

– Con khỏe lắm, mẹ ạ ☐ Con sẽ mặc thêm nhiều áo cũ ở bên trong ☐

(Theo Từ Nguyên Thạch)

Bài 2. Gạch dưới các từ so sánh và cho biết kiểu so sánh trong mỗi câu sau:

a. Hoa ngô xơ xác như cỏ may.

b. Con đi đánh giặc mười năm / Chưa bằng khó nhọc đời bầm sáu mươi.

Bài 3. Khoanh vào các chữ cái trước những câu có hình ảnh so sánh:

a. Vườn nhà ông có rất nhiều loại cây như: cam, chuối, nhãn, vải...

b. Vào mùa thay lá, sân trường như một tấm thảm vàng.

c. Hoa phượng nở đỏ rực như những đốm lửa trên tán lá xanh.

d. Bạn ấy như đang giận chúng tôi.

e. Cửa sổ là mắt của nhà.

Bài 4. Đặt câu có hình ảnh so sánh nói về:

a. mẹ

b. mái tóc của bà

PHIẾU CUỐI TUẦN 03

Bài 1. Gạch dưới các sự vật được so sánh với nhau và khoanh vào từ so sánh:

- a. "Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra."
- b. "Sương trắng viền quanh núi
Như một chiếc khăn bông."
- c. "Cây cau vươn trước sân nhà
Tán cau xòe rộng như là chiếc ô."
- d. "Ông là buổi trời chiều
Cháu là ngày rạng sáng."
- e. "Mắt hiền sáng tựa vì sao
Bác nhìn đến tận Cà Mau cuối trời."

Bài 2. Điền vào chỗ trống từ ngữ thích hợp để hoàn thành câu kiểu "Ai là gì?":

- a. là người mẹ thứ hai của em.
- b. là vốn quý nhất của con người.
- c. là người đội trưởng đầu tiên của Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh.
- d. là chủ nhân tương lai của đất nước.

Bài 3. Gạch 1 gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi "Ai (con gì, cái gì)?", gạch 2 gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi "Là gì?":

- a. Trẻ em hôm nay là thế giới ngày mai.
- b. Sa Pa là địa điểm du lịch, nghỉ mát lí tưởng trong mùa hè.
- c. Hoàng hôn là cảnh tượng đẹp nhất trên vùng biển.
- d. Hà Đông là một làng nghề nổi tiếng.
- e. Vải thiều là thứ quả được nhiều người yêu thích.

Bài 4. Khoanh vào chữ cái trước những câu có hình ảnh so sánh:

- a. Đôi mắt cô ấy tròn đen như hai hạt nhãn.
- b. Chuồn chuồn bay là là trên mặt ao.
- c. Bạn Điệp là đội viên ưu tú.
- d. Mặt trời là chiếc mâm đồng khổng lồ.
- e. Năng thu vàng óng như tấm áo choàng rực rỡ khoác lên khu rừng.

Bài 5. Đọc các câu sau và điền vào bảng cho thích hợp:

- a. "Bình thích thú ngồi ngắm chú gà lông vàng mịn như tơ. Cái mỏ vàng như hai mảnh vỏ trấu luôn miệng kêu "chiếp, chiêm"."
- b. "Sáng nay trời đẹp. Chuồn Chuồn Kim bay về đậu trên ngọn mừng tôi. Người nó dài như chiếc kim khâu của bà."

Sự vật 1	Từ so sánh	Sự vật 2

Bài 6. Khoanh vào những dấu chấm dùng sai trong đoạn dưới đây :

Nhà bạn Nam có bốn người: bố mẹ Nam. Nam và bé Hồng Hà. Bố Nam là bộ đội, còn mẹ Nam. Là công nhân xí nghiệp bánh kẹo Tràng An. Bố mẹ Nam. Rất hiền và rất quan tâm đến việc học hành của Nam. Gia đình bạn Nam. Lúc nào cũng vui vẻ.

Bài 7. Thêm dấu chấm vào đoạn trích sau và viết hoa các chữ đầu câu cho hợp lí:

cây thông có dáng thẳng tắp, hiên ngang giữa trời đất, không sợ nắng mưa lá thông trông như một chiếc kim dài và xanh bóng mỗi khi gió thổi, cả rừng thông vì vu reo lên cùng gió, làm ta không khỏi mê say

TUẦN 4: MÁI ẤM

TẬP ĐỌC

“Người mẹ” (Theo An-đéc-xen)

“Ông ngoại” (Theo Nguyễn Việt Bắc)

KỂ CHUYỆN

“Người mẹ”

CHÍNH TẢ

Nghe – viết

Phân biệt r/d/gi, ân/âng

Bài 1. Điền **r/d/gi** vào chỗ trống thích hợp:

.....ải thườngịuàngậnữócách
cánhiềuạoựcậpờn	xâyựng
.....ao thôngunginh	đôiàyànhùm
.....ònã	mátịueo vuiịuắt

Bài 2. Điền **r/d/gi** vào chỗ trống thích hợp:

“Bầu trờiộng thênh thang

Thả sứcó đi về

Là căn nhà củaó

Nghe cây láầmì

Chân trời như cửa ngõ

Ấy là khió hát.”

(Theo Đoàn Thị Lam Luyến)

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Mở rộng vốn từ “Gia đình”

Ôn tập câu “Ai là gì?”

Mở rộng vốn từ: “Gia đình”

Bài 1. Khoanh vào chữ cái trước câu nói về gia đình:

- a. Buổi tối, cả nhà em thường ngồi quây quần bên nhau và nói chuyện vui vẻ.
- b. Hàng xóm tối lửa tắt đèn có nhau.
- c. Ông kĩ sư đang cấy thi với bà con nông dân.
- d. Cô giáo mỉm cười, âu yếm dắt tay tôi vào lớp.

Bài 2. Chọn từ điền vào chỗ trống: "thiếu nhi", "trẻ em", "trẻ con", "nhi đồng".

- Tôi rất thích bài hát "..... hôm nay, thế giới ngày mai".
- Bạn tôi vừa tham gia câu lạc bộ quận Ba Đình.
- Cô chị đã lớn nhưng tính còn quá.
- Bác Hồ luôn dành tình yêu thương cho các cháu

Bài 3. Chọn từ thích hợp trong ngoặc điền vào chỗ trống:

(con, cha mẹ, chị, em, anh em, cha, mẹ)

- trên kính dưới nhường,
Là nhà có phúc mọi đường yên vui.
- nuôi biển hồ lai láng
..... nuôi kể tháng kể ngày.
- Công như núi Thái Sơn
Nghĩa như nước trong nguồn chảy ra.
- ngã nâng.

Bài 4. Trong từ "gia đình", tiếng "gia" có nghĩa là "nhà". Tìm thêm ít nhất 3 từ (gồm 2 tiếng) chứa tiếng "gia" có nghĩa như thế.

Bài 5. Đọc đoạn thơ rồi thực hiện các yêu cầu:

"Ơi chicks chèo ơi!	Bàn tay bé nhỏ
Chim đừng hót nữa	Vẫy quạt thật đều
Bà em ốm rồi,	Ngấn nắng thiêu thiêu
Lặng cho bà ngủ.	Đậu trên tường trắng."

(Trích "Quạt cho bà ngủ" – Thạch Quỳ)

- Bạn nhỏ trong đoạn thơ trên đang làm việc gì?

Bài 4. Đặt câu kiểu "Ai là gì?" nói về các sự vật sau:

a. ngôi nhà

b. mái trường

c. hoa phượng

TẬP LÀM VĂN Nghe – kể

Kể lại một câu chuyện em đã được nghe và cảm thấy thích thú.

PHIẾU CUỐI TUẦN 04

Bài 1. Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: “ông bà”, “anh em”, “cha anh”, “cha chú”.

- a. Ông ấy là bậc của chúng ta.
- b. Họ là những người tốt với nhau, luôn giúp đỡ và ủng hộ nhau.
- c. chăm lo cho anh em chúng tôi rất nhiều.
- d. Thế hệ trẻ kế tục sự nghiệp của để làm vẻ vang cho đất nước.

Bài 2. Trong các từ: “gia cảnh”, “gia cầm”, “gia công”, “gia quyến”, “gia nhập”, “gia sư”, “gia vị”, những từ nào có tiếng “gia” có nghĩa là nhà?

Bài 3. Chọn từ chỉ người trong gia đình điền vào chỗ trống thích hợp:

- a. Trẻ cậy , già cậy con.
- b. Con hơn là nhà có phúc.
- c. có cha như nhà có nóc.
- d. Con có như măng ấp bẹ.

Bài 4. Gạch dưới những từ ngữ chỉ sự vật có trong các đoạn thơ sau:

a. “Trời sinh ra trước nhất

Chỉ toàn là trẻ con

Trên trái đất trụi trần

Không dáng cây ngọn cỏ.

Mặt trời cũng chưa có

Chỉ toàn là bóng đêm

Không khí chỉ màu đen

Chưa có màu sắc khác.”

(Xuân Quỳnh)

b. “Một chị gà mái

Áo trắng như bông

Yếm đỏ hoa vông

Cánh phồng bấp chuối.

Xăm xăm xúi xúi

Tìm ổ quanh nhà

Chạy vào chạy ra

Tót! Tót! Tót! Tót!”

(Võ Quảng)

Bài 5. Khoanh vào chữ cái trước câu thuộc kiểu câu “Ai là gì?”:

- a. Bạn nhỏ là cô bé ngoan.
- b. Bạn nhỏ đang ngồi quạt cho bà.
- c. Bạn nhỏ là đứa cháu hiếu thảo.
- d. Bạn nhỏ rất biết quan tâm, chăm sóc bà.
- e. Bạn nhỏ là đứa cháu rất biết quan tâm, chăm sóc bà.

Bài 6. Tìm từ ngữ điền vào chỗ trống để hoàn thành câu kiểu “Ai là gì?”:

- a. là những đồ dùng học sinh luôn phải mang đến lớp.
- b. là hoa của học trò.
- c. là học sinh xuất sắc nhất lớp em.
- d. Thầy cô giáo là
- e. Trường học là

Bài 7. Điền dấu phẩy vào những chỗ thích hợp trong đoạn trích sau:

“Bao tháng bao năm mẹ bế anh em chúng con trên đôi tay mềm mại ấy. Cơm chúng con ăn tay mẹ nấu. Nước chúng con uống tay mẹ xách mẹ đun. Trời nóng gió từ tay mẹ đưa chúng con vào giấc ngủ. Trời rét vòng tay mẹ lại ủ ấm cho chúng con. Lúc nào ở đâu quanh chúng con cũng mang dấu tay mẹ.”

(Theo Phong Thu)

TUẦN 5: TỚI TRƯỜNG

TẬP ĐỌC

"Người lính dũng cảm" (Theo Đặng Ai)

"Cuộc họp của chữ viết" (Phỏng theo Trần Ninh Hồ)

KỂ CHUYỆN

"Người lính dũng cảm"

CHÍNH TẢ

Tập chép, nghe – viết

Phân biệt l/n, en/eng

Bài 1. Điền **l/n** vào chỗ trống thích hợp:

...o ...ăng	mưa ...ăng	kìm ...én	...ong ...anh
...ăn ...ỉ	...ung ...inh	...on ...ước	...uờm ...ượp
...úi ...on	...ạ ...ùng	...óng ...ây	...ấp ...ánh

Bài 2. Điền **en/eng** vào chỗ trống thích hợp (thêm dấu thanh nếu cần):

màu đ.....	ch..... chúc	hoa s.....
tiếng k.....	xà b.....	bến l.....

Bài 3. Nối tiếng ở cột A với tiếng ở cột B để tạo từ:

A
ấm
quen
leng
kéo
ngoằn

B
co
chén
ngoèò
thuộc
keng

LUYỆN TỪ VÀ CÂU So sánh

Bài 1. Gạch dưới từ ngữ chỉ các sự vật được so sánh với nhau trong những câu sau:

- Chim bố và chim mẹ cùng vun vút bay về như hai mũi tên.
- Mặt biển sáng trong như tấm thảm khổng lồ bằng ngọc thạch.
- Hoa phượng lại nở đỏ rực như lửa cháy.
- Những con tôm he tròn thịt căng lên từng ngấn như cổ tay đứa trẻ lên ba.
- Những chiếc lá bàng nằm la liệt trên mặt phố như những chiếc quạt mo.

Bài 2. Chọn từ ngữ thích hợp trong ngoặc điền vào chỗ trống:

- a. Chậm như (rùa, sóc, thỏ)
- b. Cao như (sào, nắm, cọc)
- c. Đẹp như (tiên, thần, thánh)
- d. Khoẻ như (voi, ngựa, cáo)
- e. Nhanh như (cắt, rùa, hổ)
- f. Vui như (Tết, khỉ, nai)

Bài 3. Điền vào chỗ trống từ ngữ thích hợp để tạo câu có hình ảnh so sánh:

- a. Bông hoa hồng đẹp và kiêu hãnh giống như
- b. Mặt trăng tròn như
- c. Những cánh hoa mềm mại, rực rỡ sắc màu giống như

Bài 4. Diễn đạt lại các câu sau cho sinh động hơn bằng cách sử dụng biện pháp so sánh:

a. Những giọt sương lấp lánh trong nắng mai.

b. Buổi sáng, chim hót véo von trong vòm lá.

Bài 5. Đọc đoạn thơ sau:

“Thế rồi cơn bão qua
Bầu trời xanh trở lại
Mẹ về như nắng mới
Sáng ấm cả gian nhà.”

(Trích “Mẹ vắng nhà ngày bão” – Đặng Hiển)

a. Chỉ ra câu thơ có sử dụng biện pháp so sánh.

b. Hình ảnh so sánh trong đoạn thơ trên nói lên điều gì?

TẬP LÀM VĂN Tập tổ chức cuộc họp

I. Kiến thức

- Lí do và mục đích cuộc họp
- Tình hình hiện tại và yêu cầu đặt ra
- Kết luận phân công

II. Bài tập

Em hãy cùng các bạn trong tổ tập tổ chức cuộc họp, theo một trong các nội dung sau:

- Giúp đỡ nhau trong học tập;
- Trang trí góc sáng tạo;
- Giữ vệ sinh chung;
- Chuẩn bị các tiết mục chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11.

PHIẾU CUỐI TUẦN 05

Bài 1. Gạch dưới các hình ảnh so sánh trong những câu văn, câu thơ dưới đây:

- a. Trên trời có một cô Mây rất đẹp. Khi thì cô mặc áo trắng như bông, khi thì thay áo màu xanh biếc, lúc lại đổi áo màu hồng tươi.
- b. Mùa xuân đến, cây hoa giấy đâm chồi nảy lộc. Hàng trăm bông hoa giấy thắm đỏ nở đồng loạt như một tấm thảm đỏ rực.
- c. Từ trên gác cao nhìn xuống, hồ như một chiếc gương bầu dục khổng lồ, sáng long lanh.
- d. Trên giàn mướp xanh mát, mấy bông hoa vàng tươi như những đốm nắng đã nở sáng trưng.

Bài 2. Gạch dưới từ chỉ sự vật so sánh, khoanh vào từ so sánh trong các câu sau:

- a. Kim dây dài nhất, đen nhánh, thon dài như cái tăm, lúc nào cũng chạy theo vòng tròn.
- b. Thác nước ầm ầm tuôn trào uyển chuyển, mạnh mẽ nhưng mềm mại như dải lụa.
- c. Khắp cánh đồng, người ta chỉ thấy một màu vàng rực, tươi rói. Những bông lúa hạt đều tằm tấp uốn cong như lưỡi câu báo hiệu mùa vàng bội thu.

Bài 3. Điền từ ngữ chỉ sự vật để hoàn chỉnh mỗi câu sau:

- a. Tiếng suối ngân nga như
- b. Mặt hồ trong tựa như
- c. Mặt trăng tròn vành vạnh như

Bài 4. Điền từ ngữ thích hợp để tạo những câu có hình ảnh so sánh:

- a. Con thuyền bơi trong sương bơi trong mây.
- b. Dòng sông một tấm gương tráng thủy ngân xanh, soi rõ trời cao và những cánh cò trắng muốt bay qua.
- c. Dải mây mỏng, mềm mại dải lụa trắng dài vô tận.
- d. Trên trời xanh biếc, mấy đám mây trắng đủng đỉnh bay những chiếc thuyền buồm khoan thai lướt trên mặt biển.

Bài 5. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu có hình ảnh so sánh:

- a. Tán bàng xòe ra
- b. Tiếng ve râm ran trong vòm lá
- c. Những cánh buồm thấp thoáng ngoài khơi
- d. Chiếc lá rụng trôi bồng bềnh giữa làn nước

Bài 6. Thực hiện những yêu cầu sau:

1. Tìm hình ảnh so sánh trong các câu sau rồi điền vào bảng:

- | | | | |
|----|--|----|---|
| a. | <p>“Một chị gà mái</p> <p>Áo trắng như bông</p> <p>Yếm đỏ hoa vòng</p> <p>Cánh phồng bấp chuối.”</p> | b. | <p>“Thân dừa bạc phếch tháng năm</p> <p>Quả dừa – đàn lợn con nằm trên cao.</p> <p>Đêm hè hoa nở cùng sao</p> <p>Tàu dừa – chiếc lược chải vào mây xanh.”</p> |
|----|--|----|---|

(Võ Quảng)

(Trần Đăng Khoa)

	Sự vật được so sánh	Đặc điểm so sánh	Từ so sánh	Sự vật so sánh
a				
b				

2. Trong các hình ảnh so sánh trên, em thích hình ảnh nào nhất? Hình ảnh đó gợi cho em điều gì?

TUẦN 6: TỐI TRƯỜNG

TẬP ĐỌC

“Bài tập làm văn” (Theo Pi-vô-na-rô-va)

“Nhớ lại buổi đầu đi học” (Theo Thanh Tịnh)

KỂ CHUYỆN

“Bài tập làm văn”

CHÍNH TẢ

Nghe – viết

Phân biệt eo/oeo, s/x, ươn/ương, dấu hỏi/dấu ngã

Bài 1. Điền **s** hoặc **x** vào chỗ trống thích hợp:

...em ...ét	...inh ...ăn	lịch ...ử	...a ...ôi
...ao ...uyển	...ười ấm	...úc giác	...ản ...uất
...e đập	...ỏ tay	...úc ...ích	...ở trường

Bài 2. Điền vào chỗ trống **eo** hoặc **oeo** (thêm dấu thanh nếu cần):

ch..... l.....	ngoằn ng.....	uốn	cái k.....
l..... núi	b..... núc	ng..... đầu	k..... co

Bài 3. Điền **ươn** hoặc **ương** vào chỗ trống (thêm dấu thanh nếu cần):

quê h.....	con l.....	cây ph.....	s..... núi
v..... vắn	nuôi d.....	bay l.....	yêu th.....

Bài 4. Điền thanh hỏi hoặc thanh ngã vào những chữ in đậm dưới đây:

“**Canh** vật càng thêm lung linh huyền **ao**. Ánh trăng **đô** xuống **nhưng** mái nhà, len **loi** xuyên qua từng **ke** lá, tạo nên **nhưng** đốm sáng lung linh **chuyên** động trên mặt đất.”

Bài 5. Điền thanh hỏi hoặc thanh ngã vào các chữ in đậm và giải câu đố sau:

a. “Nhô cao **giũa** mặt một mình

Hít **thơ** thật **gioi** lại tinh **ngư** mùi.”

Là gì?

b. “Cái gậy cạnh **qua** trứng gà

Đem về khoe mẹ **ca** nhà mừng vui.”

Là gì?

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Mở rộng vốn từ “Trường học”

Dấu phẩy

Mở rộng vốn từ: “Trường học”

Bài 1. Xếp các từ ngữ dưới đây thành hai nhóm: từ chỉ sự vật, từ chỉ hoạt động.

học bài, học sinh, trường học, kiểm tra, sân trường, phát biểu, bảng đen, phấn trắng, thầy giáo, đọc sách, bút mực, giảng bài, làm bài, bài học

Bài 2. Xếp các từ ngữ dưới đây thành hai nhóm: gia đình và trường học.

lớp học, ông bà, cha mẹ, sân trường, ngày khai trường, tiếng trống trường, phụng dưỡng, thương con quý cháu, sách vở, bút mực, kính thầy yêu bạn, con cái, cháu chắt, giáo viên, học sinh, đùm bọc, hiếu thảo, bài tập

Bài 3. Tìm các từ thích hợp cho mỗi nhóm từ sau:

a. Từ chỉ đồ dùng dạy và học:

b. Từ chỉ hoạt động dạy và học:

c. Từ chỉ các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường:

Bài 4. Sắp xếp các câu sau theo thứ tự hợp lí để tạo thành đoạn văn kể về ngày đầu tiên đi học.

a. Hôm đó, tôi dậy từ sáng sớm để chuẩn bị đồ dùng, sách vở và mặc quần áo mới.

b. Vậy là đã hai năm trôi qua kể từ ngày đầu tiên mẹ đưa tôi đến trường.

c. Ngoài đường, không khí thật nhộn nhịp.

d. Vừa bước chân vào ngôi trường, tôi đã thấy khung cảnh thật đông vui, tiếng nói cười rộn ràng.

e. Tôi ngập ngừng bám chặt lấy tay mẹ.

f. Buổi học đầu tiên của tôi là như thế đấy.

g. Cô giáo mỉm cười, âu yếm dắt tay tôi vào lớp.

Dấu phẩy

I. Kiến thức

Dấu phẩy đứng ở giữa câu, thường dùng để ngăn cách các bộ phận trong câu với nhau.

Ví dụ: “Mùa xuân, cây cối đâm chồi nảy lộc, căng tràn nhựa sống.”

II. Bài tập

Bài 1. Điền dấu phẩy vào vị trí thích hợp trong các câu sau:

- Năm nay mùa đông đến sớm.
- Bụi gai đâm chồi nảy lộc và nở hoa ngay giữa mùa đông buốt giá.
- Tôi nhìn cậu thấy vai áo cậu sứt chỉ chắc vì cậu đã vác củi giúp mẹ.
- Trong cái vắng lặng của mùa hè ông dẫn tôi lang thang khắp các căn lớp trống.

Bài 2. Điền dấu phẩy, dấu chấm thích hợp vào □ trong đoạn trích sau:

“Phía bên sông □ xóm Cồn Hến nấu cơm chiều □ thả khói nghi ngút cả một vùng tre trúc □ đâu đó □ từ sau khúc quanh vắng lặng của dòng sông □ tiếng lanh canh của thuyền chài gỡ những mẻ cá cuối cùng truyền đi trên mặt nước □ khiến mặt sông nghe như rộng hơn □”

Bài 3. Viết lại đoạn trích sau khi thêm dấu câu và sửa các lỗi chính tả:

“vào những ngày cuối xuân đầu hạ khi nhiều loài cây đã khoác màu áo mới thì cây xấu hổ bắt đầu truyền mình thay lá đi dưới rặng xấu hổ ta sẽ gặp những chiếc lá nghịch ngợm nó quay chòn chúc mặt đậu lên đầu lên vai ta rồi mới bay đi”

TẬP LÀM VĂN Kể lại buổi đầu em đi học

I. Kiến thức

- Buổi đầu tiên em đi học là khi nào? Thời tiết, quang cảnh xung quanh ra sao?
- Ấn tượng của em trong buổi học đầu tiên: về trường mới, thầy cô, bạn bè...
- Buổi học đã diễn ra và kết thúc như thế nào?
- Em có những cảm xúc, suy nghĩ gì về buổi học đầu tiên đó?

II. Bài tập

Đọc đoạn văn sau rồi trả lời câu hỏi:

“Sáng hôm ấy là một buổi sáng mùa thu, em dậy thật sớm để chuẩn bị đến trường. Trời thu trong xanh, tiếng chim hót véo von trên cành. Em đi bên mẹ mà lòng thấy hồi hộp, xao xuyến vì đây là buổi đầu tiên em đến lớp. Bước vào lớp, em thấy rất ngỡ ngàng vì mọi thứ đều mới lạ, cô giáo mới, bạn bè mới, tuy lúc đầu ngỡ ngàng nhưng em đã dần dần làm quen với các bạn, cô giáo và lớp học. Buổi học đầu tiên đã kết thúc thật thú vị. Trong buổi học hôm đó, em được nghe cô giảng những câu văn, bài toán bổ ích.”

1. Bạn nhỏ đến trường vào lúc nào?
2. Bạn nhỏ đến trường cùng ai? Quang cảnh trên đường đến trường có gì tươi đẹp?
3. Trên đường tới trường, cảm xúc của bạn nhỏ như thế nào?
4. Ở trường, bạn nhỏ được làm quen với những ai, được học những gì?
5. Bạn nhỏ nghĩ gì về buổi học đầu tiên của mình?

PHIẾU CUỐI TUẦN 06

Bài 1. Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: “sách”, “vở”, “sách vở”, “giá sách”.

- Em chuẩn bị cho ngày khai trường.
- Cạnh góc học tập của em là một cái nhỏ.
- Nói có, mách có chứng.
- Mẹ mua cho em hai quyển viết.

Bài 2. Nối từ ở cột A với lời giải nghĩa thích hợp ở cột B:

A
1. “dạy dỗ”
2. “học hỏi”
3. “chuyên cần”
4. “nắn nót”

B
a. tìm tòi, hỏi han để học tập
b. dạy bảo, khuyên nhủ một cách ân cần và dịu dàng (đối với lứa tuổi nhỏ)
c. viết cẩn thận từng nét chữ cho đẹp, rõ ràng và đều đặn
d. chăm chỉ một cách đều đặn khi làm việc

Bài 3. Đặt dấu phẩy vào chỗ thích hợp trong những câu sau:

- Khi mới nhú lộc bằng màu hung nâu. Chỉ vài ba ngày sau nó chuyển sang màu xanh nõn chúm chim như những búp hoa.
- Muốn trở thành con ngoan trò giỏi các em phải siêng học siêng làm.
- Mỗi sáng mỗi chiều những dòng xe cộ đi lại nườm nượp. Ban đêm đèn điện lấp lánh như sao sa.
- Trước mặt Minh đầm sen rộng mênh mông. Những bông sen trắng sen hồng khẽ đu đưa nổi bật trên nền lá xanh mượt.

Bài 4. Điền dấu chấm vào chỗ thích hợp trong đoạn sau và viết hoa chữ đầu câu:

“Đã sang tháng ba, đồng cỏ Ba Vi vẫn giữ nguyên vẻ đẹp như hồi đầu xuân không khí trong lành và rất ngọt ngào bầu trời cao vút, trập trùng những đám mây trắng... Hồ Giáo đứng đã lâu trên đồng cỏ đàn bê ăn quanh quẩn ở bên anh”

(Theo Phụng Vũ)

Bài 5. Tìm từ thích hợp với nghĩa của từ và điền vào chỗ trống:

Nghĩa từ	Từ
Mở đầu năm học	
Sách dùng dạy và học trong nhà trường	
Lịch học hằng ngày trong tuần ở trường	
Thầy cô nói cho học sinh hiểu bài	
Hiểu bài, tiếp thu nhanh, xử trí nhanh	

Bài 6. Đọc đoạn thơ sau:

"Sáng đầu thu trong xanh
Em mặc quần áo mới
Đi đón ngày khai trường
Vui như là đi hội.

Gặp bạn, cười hớn hờ
Đứa tay bắt mặt mừng
Đứa ôm vai bá cổ
Cặp sách đùa trên lưng

Nhìn các thầy, các cô
Ai cũng như trẻ lại
Sân trường vàng nắng mới
Lá cờ bay như reo."

(Trích "Ngày khai trường" – Nguyễn Bùi Vợi)

- a. Tìm những từ ngữ về chủ đề trường học có trong đoạn thơ trên.
- b. Ngày khai trường thường diễn ra vào thời gian nào?
- c. Em có cảm nhận gì về quang cảnh ngày khai trường trong đoạn thơ trên?

LUYỆN TẬP CHUNG (SỐ 1)

Bài 1. Điền vào chỗ trống **uêch** hoặc **uyu** (thêm dấu thanh nếu cần):

rỗng t..... khúc kh..... kh..... đại ng..... ngoạc
kh..... tay trống h..... ngã kh..... kh..... trương

Bài 2. Điền vào chỗ trống **an** hoặc **ang** (thêm dấu thanh nếu cần):

- Cửa h..... của chú tôi lúc nào cũng đông khách.
- Mùa này, những dòng sông đã c..... nước.
- Càng về khuya, kh..... giả c..... đến đông.
- Quê tôi, nhà cửa s..... sát, đèn điện s..... trưng.

Bài 3. Điền vào chỗ trống **ao/an/ang** (thêm dấu thanh nếu cần):

"Một hôm, Tôm Càng đang tập búng c..... dưới đáy sông thì thấy một con vật lạ bơi đến. Con vật thân dẹt, trên đầu có hai mắt tròn xoe, khắp người phủ một lớp vẩy bạc óng ánh.

Thấy Tôm C..... ngó mình trân trân, con vật nói:

– Ch..... b..... Tôi là Cá Con.

– Ch..... Cá Con. B..... cũng ở sông này s.....?

– Chúng tôi cũng sống dưới nước như nhà tôm các b..... Có loài cá ở sông ngòi, có loài ở hồ, có loài ở biển cả."

(Theo Trương Mĩ Đức, Tú Nguyệt, dịch Hoàng Lan)

Bài 4. Điền vào chỗ trống **s** hoặc **x**:

"Mặt trăng tròn vành vạnh từ từ nhô lên ...au lũy tre. Trăng đêm nay ...áng quá! Bầu trời điểm ...uyết một vài ngôi ...ao lấp lánh như những con đom đóm. Ánh trăng vàng dịu mát tỏa ...uống, chảy tràn trên mặt đất, trên các cành cây, ngọn cỏ... Không gian mới yên tĩnh làm ...ao! Chỉ còn tiếng ...ương đêm rơi lộp bộp trên lá cây và tiếng côn trùng ra rả trong đất ẩm. Chị Gió chuyên cần nhẹ nhàng bay làm rung rung mấy ngọn ...à cử trổng ven đường. Thoang thoang đâu đây mùi hoa thiên lí dịu dàng lan tỏa. Đêm quê thật đẹp và êm đềm."

(Theo Đào Thu Phong)

Bài 5. Điền **r/d/gi** vào chỗ trống cho thích hợp:

“Đang vào mùaừng dầu trút lá. Tàu láầu liệng xuống như cánhiều, phủ vàng mặt đất. Mỗi khi có con hoẵng chạy qua, thảm lá khô vang động như có ai đang bẻ chiếc bánh đa. Những cây dầu con mới lớn, phiến lá đã to gần bằng láàụng xuống. Lá như cái quạt nan che lấp cả thân cây. Đangữa trưa nắng, gặpừng dầu non, mắt bỗng dịu lại như đang lạc vào một vùngau xanh mát.

Hếtừng dầu lại đếnừng cao su. Màu xanh lá dầu chỉ có thể so sánh với màu cao su vừa thay lá. Những cánhừng cao su thăm thẳm như những cái hang động màu ngọc bích. Sắc lá càng xanh biếc trong màu đất đỏ mới.”

(Trích “Rừng miền đông” – Theo Chu Lai)

Bài 6. Tìm các từ theo yêu cầu dưới đây:

a. Chứa tiếng bắt đầu bằng **tr** hoặc **ch**, có nghĩa như sau:

- Di chuyển nhanh bằng chân:
- Đan chéo vào nhau dày đặc mà không theo hàng lối, trật tự nào:
- Giống như nghĩa của từ “leo”:
- Trái nghĩa với “méo”:

b. Chứa tiếng bắt đầu bằng **l** hoặc **n** có nghĩa như sau:

- Trái nghĩa với “nóng”:
- Rất nhiều:
- Làm xong rồi đưa bài lên cho cô giáo:

Bài 7. Tìm các từ chứa tiếng có vần **ân** hoặc **ang** có nghĩa như sau:

- a. Cùng nghĩa với “vui mừng”:
- b. Gần gũi và có tình cảm đậm thắm:
- c. Nhẹ nhàng, khoan khoái khi làm xong việc gì:
- d. Khoảng đất rộng để chơi thể thao:
- e. Bộ phận trên cơ thể người dùng để di chuyển:
- f. Cùng nghĩa với “nghe lời”:

Bài 8. Đặt câu với mỗi từ sau: “thăng thắn”, “chắc chắn”, “thân thiện”, “hăng hái”.

Bài 9. Đọc đoạn trích sau:

Thủy cung

“Ở giữa biển khơi có tòa lâu đài của vua Thủy Tề đứng sừng sững nơi đáy biển sâu nhất. Lâu đài này hết sức tráng lệ. Tường bằng san hô đủ màu sắc, cửa sổ cao vút bằng hổ phách trong suốt, mái lợp toàn bằng trai ngọc miệng mở ra khép lại theo dòng nước chuyển động. Trước mặt lâu đài là một vùng rộng mênh mông, cành lá xanh thắm, hoa đỏ ửng tựa than hồng.

Nước ở đây xanh hơn đài hoa xanh biếc nhất, trong vắt như pha lê và sâu thăm thẳm đến nỗi neo đã phải nối thêm dây mà vẫn không chạm đáy. Có người tưởng rằng đáy biển chỉ toàn cát, thực ra ở đây cây vẫn mọc. Những loại cây kì diệu, thân lá mềm mại đu đưa theo sự chuyển động của nước. Cá lớn, cá bé bơi lướt qua giữa đám cành lá chẳng khác gì chim bay qua các bụi cây ở trên mặt đất. Từ bên trên chiếu xuống một thứ ánh sáng xanh biếc, huyền ảo lan tỏa khắp nơi. Khi lặng gió, mặt biển phẳng lì, sinh vật dưới đáy biển có thể nhìn thấy mặt trời lóng lánh như bông hoa đỏ thắm đang găng rọi ánh sáng xuống tận đáy biển...”

(Theo truyện cổ An-đéc-xen)

1. Tìm trong bài những tiếng có vần: **ăng, ắc.**

2. Trước mặt lâu đài là gì?

3. Nước ở thủy cung được so sánh với hình ảnh nào?

4. Ở đáy biển có những loài sinh vật nào sinh sống?

5. Nêu cảm nhận của em về thủy cung qua đoạn trích trên.

Bài 10. Kể về những ấn tượng sâu sắc khiến em nhớ mãi trong buổi đầu tiên đi học.

ĐỀ LUYỆN 01

Bài 1. Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi:

Em yêu nhà em

"Chẳng đâu bằng chính nhà em	Có ao muống với cá cờ
Có đàn chim sẻ bên thềm lú lo	Em là chị Tấm đợi chờ bống lên
Có đàn gà mái hoa mơ	Có đầm ngào ngọt hương sen
Cục ta cục tác khi vừa đẻ xong	Ếch con học nhạc để mèn ngâm thơ
Có bà chuối mật lưng ong	Dù đi xa thật là xa
Có ông ngô bắp râu hồng như tơ	Chẳng đâu vui được bằng nhà của em."

(Theo Đoàn Thị Lam Luyến)

- Dòng nào nêu đúng và đủ tên các loài vật được nhắc đến trong bài thơ trên?
 - chim sẻ, gà, cá cờ, dế mèn
 - chim sẻ, gà, cá cờ, cá bống, ếch, dế mèn
 - chim sẻ, gà, ếch, dế mèn
 - chim sẻ, gà, ong, ngô, cá cờ, cá bống, ếch, dế
- Sự vật nào không được nhắc đến trong bài thơ?
 - chuối
 - ngô
 - ao muống
 - chào mào
- Tìm sự vật được so sánh trong câu thơ "Có ông ngô bắp râu hồng như tơ".
 - ông ngô bắp
 - râu
 - hồng
 - tơ
- Em cảm nhận được điều gì từ bài thơ?
 - tình yêu động vật của bạn nhỏ
 - tình yêu và sự gắn bó với ngôi nhà thân thương của bạn nhỏ
 - tinh thần chăm chỉ làm việc của bạn nhỏ
 - tình yêu cây cối của bạn nhỏ

Bài 2. Gạch dưới các câu kiểu "Ai là gì?" trong đoạn văn sau. Dùng dấu gạch chéo (/) để ngăn cách BPCT1 và BPCT2 của các câu đó.

"Hãy can đảm lên, hỡi người chiến sĩ của đạo quân vĩ đại kia! Sách vở của con là vũ khí. Lớp học của con là chiến trường. Hãy coi sự ngu dốt là thù địch. Bỏ tin rằng con luôn luôn cố gắng và sẽ không bao giờ là người lính hèn nhát trên mặt trận đầy gian khổ ấy." (Theo E. A-mi-xi)

Bài 3. Điền dấu câu thích hợp vào ô trống và viết hoa chữ đầu câu:

"Chú chim chích cú nhảy tung tung trên bậu cửa sổ □ chú nghiêng nghiêng đầu rồi ngó lên từng tán lá □ chú vui mừng khi thấy có một con sâu nhỏ □ nhanh thoăn thoắt □ chú sà đến gần rồi dùng mỏ mổ mổ thật nhẹ nhàng □ chẳng mấy chốc □ chú đã bắt được con sâu xấu xí và chú phấn khởi khi nhìn thấy mấy cô nàng lá khê mỉm cười cảm ơn □" (Sưu tầm)

Bài 4. Đọc đoạn thơ sau:

"Cây dừa xanh tỏa nhiều tàu,
Dang tay đón gió, gật đầu gọi trăng.
Thân dừa bạc phéch thẳng năm,
Quả dừa – đàn lợn con nằm trên cao.
Đêm hè hoa nở cùng sao
Tàu dừa – chiếc lược chải vào mây xanh."

(Trích "Cây dừa" – Trần Đăng Khoa)

- Gạch dưới các từ chỉ sự vật có trong đoạn thơ trên.
- Tìm và ghi lại các hình ảnh so sánh trong đoạn thơ.

Bài 5. Viết đoạn văn khoảng 5 câu kể những điều khiến em yêu mến ngôi trường của mình.

TUẦN 7: CỘNG ĐỒNG

TẬP ĐỌC

"Trận bóng dưới lòng đường" (Nguyễn Minh)

"Bạn" (Trinh Đường)

KỂ CHUYỆN

"Trận bóng dưới lòng đường"

CHÍNH TẢ

Tập chép, nghe – viết

Phân biệt tr/ch, iên/iêng, en/oen

Bài 1. Điền vào chỗ trống **ch/tr** để hoàn chỉnh các thành ngữ sau:

- | | |
|---------------------------|-----------------------------|
| a.e già măng mọc. | b.ên kính dưới nhường. |
| c.óeo mèo đậy. | d.ia ngọt sẻ bù. |
| e.ín bỏ làm mười. | f.auyên con nôi. |

Bài 2. Điền **iên** hoặc **iêng** vào chỗ trống để hoàn chỉnh các thành ngữ, tục ngữ sau:

- a. Ở h..... gặp lành.
 b. Một m..... khi đói bằng một gói khi no.
 c. Sóng yên b..... lặng.
 d. Việc nhà thì nhác, việc chú bác thì s.....

Bài 3. Chọn tiếng thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

- | | |
|---|--------------|
| a. ngàn, chỉ, ngoan, năm | (chăm, trăm) |
| b. phong, dân, cổng, mừng | (chào, trào) |
| c. leo, hát, đồ, cây | (cheo, trèo) |

Bài 4. Điền vào chỗ trống **iên** hoặc **iêng** (thêm dấu thanh nếu cần):

- | | | |
|---------------|---------------|--------------|
| t..... hát | k..... cường | triển m..... |
| ch..... trống | chao ngh..... | t..... bộ |

Bài 5. Điền vào chỗ trống **en** hoặc **oen** (thêm dấu thanh nếu cần):

- | | | |
|--------------|-------------|---------------|
| nh..... cười | h..... nhát | nhanh nh..... |
| đan x..... | l..... lỗi | x..... xoẹt |

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Ôn về từ chỉ hoạt động, trạng thái

So sánh

I. Kiến thức

1. Từ chỉ hoạt động

- Từ chỉ hoạt động là những từ nêu lên hành động, hoạt động của người, con vật...
- Ví dụ: “học tập”, “ăn uống”, “đi”, “chạy”...

2. Từ chỉ trạng thái

- Từ chỉ trạng thái là những từ nêu lên trạng thái tồn tại, tâm trạng, cảm xúc của người hoặc sự vật.

Ví dụ: “hối hận”, “sợ hãi”, “vui mừng”...

* Phân biệt:

- Từ chỉ hoạt động thường trả lời cho câu hỏi: “Làm gì?”
- Từ chỉ trạng thái thường trả lời cho câu hỏi: “Thế nào?”

II. Bài tập

Bài 1. Gạch dưới từ không cùng nhóm với các từ còn lại:

- cây cối, sách vở, thước kẻ, nhảy nhót
- lo âu, phấn khởi, nói năng, hối hận
- ăn uống, nhà cửa, chạy nhảy, đi đứng
- nhớ nhung, bàn ghế, sân trường, cây bàng

Bài 2. Chọn từ ngữ thích hợp trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống:

(lướt, nhảy, gọi, đến, giảng, đá)

- Trên sân trường, các bạn nam đang cầu.
- Cô giáo đang bài.
- Gần trưa, gà mẹ các con trở về.
- Hôm nay, Thắng trường sớm hơn mọi ngày mười phút.
- Cá lên cả thuyền, trên mặt sông.

Bài 3. Xếp các từ cho dưới đây thành hai nhóm: từ chỉ hoạt động, từ chỉ trạng thái.

mừng vui, khóc lóc, hụt hẫng, băng khuâng, thở, bay, chào hỏi, cười nói, giải thích,
bày tỏ, trao đổi, chuyện trò, mệt mỏi, ngỡ ngàng, nhớ nhung, xúc động

Bài 4. Gạch dưới những từ chỉ hoạt động, trạng thái trong đoạn văn sau:

“Cuối cùng, sói đến thật. Chú bé hốt hoảng gào xin cứu giúp. Các bác nông dân nghĩ chú nói dối như mọi lần nên vẫn thản nhiên làm việc. Bầy sói chẳng phải sợ ai cả. Chúng tự do ăn thịt hết đàn cừu.”

(Trích “Nói dối hại thân” – Theo Lép Tôn-xtôi)

Bài 5. Gạch dưới từ chỉ hoạt động, trạng thái có trong các đoạn trích sau:

- | | |
|-----------------------------|--------------------------|
| a. “Sáng đầu thu trong xanh | Gặp bạn, cười hớn hở |
| Em mặc quần áo mới | Đứa tay bắt mặt mừng |
| Đi đón ngày khai trường | Đứa ôm vai bá cổ |
| Vui như là đi hội | Cặp sách đùa trên lưng.” |

(Nguyễn Bùi Vợi)

- b. “Tôi rất thích ra lò gạch chơi trò ú tim với thằng Cu và cái Cún, con bác. Một chiều giáp Tết, gạch vào lò, sắp nhóm lửa, thằng Cu rủ tôi nặn những chiếc chuông con to hơn quả táo, có cái núm để xâu dây, lại thêm cả một viên bi nhỏ ở trong để tạo ra tiếng kêu.”

(Ngô Quân Miện)

Bài 6. Đặt câu có hình ảnh so sánh nói về:

a. mùa thu

b. bầu trời

c. dòng sông

d. hoa phượng

TẬP LÀM VĂN Nghe – kể

Tập tổ chức cuộc họp

Bài 1. Hãy cùng các bạn trong tổ mình tổ chức một cuộc họp với nội dung: Trao đổi về cách bảo vệ môi trường xanh – sạch – đẹp.

Bài 2. Hãy cùng các bạn trong tổ mình tổ chức một cuộc họp với nội dung: Trao đổi về ý thức của học sinh trong việc chấp hành luật giao thông.

PHIẾU CUỐI TUẦN 07

Bài 1. Xếp các từ cho dưới đây vào 2 nhóm: từ chỉ hoạt động, từ chỉ trạng thái.

đọc, viết, hát, vui, múa, chạy, buồn, mệt

Bài 2. Xếp các từ sau vào 3 nhóm: thương yêu, yêu mến, thiếu nhi, ngoan ngoãn, yêu quý, nhi đồng, ngây thơ, nũng nịu, hiếu động, trẻ nhỏ, hồn nhiên, trẻ con.

a. Nhóm từ chỉ trẻ em:

b. Nhóm từ chỉ tính nết trẻ em:

c. Nhóm từ chỉ tình cảm của người lớn dành cho trẻ em:

Bài 3. Tìm từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống để tạo hình ảnh so sánh:

Đẹp như

Trắng như

Nhanh như

Chậm như

Bài 4. Gạch dưới những từ chỉ hoạt động có trong đoạn văn sau:

“Ông xanh đến trước một tổ dế. Nó đảo mắt quanh một lượt, thăm dò rồi nhanh nhẹn xông vào cửa tổ dùng răng và chân bới đất. Sáu cái chân ông làm việc như cái máy. Những hạt đất vụn do dế đùn lên lần lượt bị hất ra ngoài. Ông ngoạm, dứt, lôi ra một túm lá tươi. Thế là cửa mở.” (Sưu tầm)

Bài 5. Gạch dưới những từ ngữ không thuộc nhóm từ chỉ hoạt động, trạng thái:

a. nhớ, đi, đứng, mát mẻ, mặc, đeo, chuyện trò, chơi đùa, bỏ ngổ, thích

b. viết, đọc, vẽ, nghe giảng, hỏi, voi, trả lời

c. nhớ, ghét, chăm sóc, ốm, chăm chỉ, ngắm, nhìn

TUẦN 8: CỘNG ĐỒNG

TẬP ĐỌC

“Các em nhỏ và cụ già” (Theo Xu-khôm-lin-xki)

“Tiếng ru” (Tố Hữu)

KỂ CHUYỆN

“Các em nhỏ và cụ già”

CHÍNH TẢ

Nghe – viết, nhớ – viết

Phân biệt r/d/gi, uôn/uông

Bài 1. Điền vào chỗ trống **r/d** hoặc **gi** cho thích hợp:

.....án cá ểàng a vào

tácụng àya thama

Bài 2. Điền vào chỗ trống **uôn** hoặc **uông** (thêm dấu thanh nếu cần):

mong m..... l..... lách m..... thú

l..... rau quay c..... c..... quýt

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Mở rộng vốn từ “Từ ngữ về cộng đồng”

Ôn tập câu “Ai làm gì?”

Mở rộng vốn từ: “Từ ngữ về cộng đồng”

Bài 1. Khoanh vào chữ cái trước câu không nói về tinh thần cộng đồng:

a. Thấy ai đói rách thì thương
Rét thường cho mặc, đói thường cho ăn.

b. Đèo cao thì mặc đèo cao
Trèo lên đỉnh núi, ta cao hơn đèo.

c. Một cây làm chẳng nên non
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

d. Ngựa chạy có bầy, chim bay có bạn.

e. Bán anh em xa, mua láng giềng gần.

f. Hàng xóm tối lửa tắt đèn có nhau.

Bài 2. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống:

- a. Nhiều điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước phải nhau cùng.
- b. Lá lành lá rách.
- c. Một miếng khi đói bằng khi no.
- d. Dân ta nhớ một chữ đồng:
Đồng tình, đồng sức,, đồng minh.
- e. Ăn quả nhớ kẻ
- f. Bầu ơi thương lấy cùng
Tuy rằng khác nhưng chung một giàn.

Bài 3. Tìm các tiếng phù hợp ghép với tiếng đã cho để tạo từ chỉ người lao động:

- a. + viên
- b. thợ +
- c. + sĩ

Bài 4. Nối từ ngữ ở cột A với nghĩa thích hợp ở cột B:

A
1. "cộng đồng"
2. "đồng hành"
3. "đồng cam cộng khổ"
4. "đồng nghiệp"

B
a. vui sướng cùng hưởng, cực khổ cùng chịu
b. cùng làm một nghề
c. những người cùng sống trong một tập thể hoặc một khu vực, gắn bó với nhau
d. cùng đi một đường

Bài 5. Đọc đoạn thơ sau:

“Con ong làm mật, yêu hoa
Con cá bơi, yêu nước; con chim ca, yêu trời
Con người muốn sống, con ơi
Phải yêu đồng chí, yêu người anh em.”

(Trích “Tiếng ru” – Tố Hữu)

- a. Tìm các từ chỉ hoạt động, trạng thái có trong đoạn thơ.
- b. Trong từ “đồng chí”, tiếng “đồng” có nghĩa là cùng. Tìm thêm 3 từ (gồm 2 tiếng) có tiếng “đồng” với nghĩa như trên.
- c. Đoạn thơ trên muốn nhắn nhủ chúng ta điều gì?

Ôn tập câu “Ai làm gì?”

I. Kiến thức

Kiểu câu “Ai làm gì?” gồm hai bộ phận câu: Bộ phận trả lời câu hỏi “Ai (cái gì, con gì)?” và bộ phận trả lời câu hỏi “Làm gì?”.

Ví dụ: “Chúng em đang học bài.”

II. Bài tập

Bài 1. Đọc văn bản sau:

Suối vui

“Bạn có biết không?

Suối rất hay cười. Vừa đi vừa cười. Vừa chạy vừa cười. Cả lúc nhảy cũng cười. Dường như suối không biết buồn là gì.

Từ trong khe đá chảy ra, suối khúc khúc, nhí nhảnh. Thoạt tiên chỉ là cái lạch nhỏ, mong manh, trong veo.

Róc rách! Róc rách!

Đàn bướm dập dờn quanh sợi nước tựa những dải lụa mềm vắt đan vào nhau, tìm đến nhau rồi chảy vào một nơi, hợp thành một vùng nước. Sóng sánh trong hang động. Lóng lánh gương giếng đá. Ấm áp. Từ đấy, nước khơi mạch tìm ra, chảy thành dòng suối.

Tung tăng! Tung tăng!

Róc rách! Róc rách!

Như câu hát. Như tiếng cười..."

(Theo Phong Thu)

- a. Tìm 5 từ chỉ hoạt động trong văn bản.
- b. Trước khi hợp thành một vùng nước, thoát tiên suối chỉ là gì?
- c. Tìm các từ gợi tả âm thanh của tiếng suối.

Bài 2. Nối từ ngữ thích hợp ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo thành câu "Ai làm gì?":

A	B
1. Các bạn học sinh	a. đang phân luồng giao thông.
2. Các chú bộ đội	b. vừa uống trà vừa trò chuyện vui vẻ.
3. Đêm ấy, quanh đồng lửa bập bùng, các cụ già	c. đang tuần tra biên giới.
4. Dưới trời nắng chang chang, các chú công an	d. đang nô đùa trên sân trường.
5. Mẹ và chị gái tôi	e. đang chuẩn bị bữa cơm tất niên.

Bài 3. Viết tiếp vào chỗ trống để có các câu kiểu “Ai làm gì?”:

a. “Cô giáo...”

b. “Bác lao công...”

Bài 4. Đặt các câu kiểu “Ai làm gì?” với mỗi từ sau: “chạy”, “học tập”, “hướng dẫn”, “múa hát”.

TẬP LÀM VĂN Kể về người hàng xóm

I. Kiến thức

- Giới thiệu tên, tuổi, công việc của người hàng xóm mà em kể.
- Kể vài nét về ngoại hình, tính cách của người được kể.
- Tình cảm của người hàng xóm đối với gia đình em như thế nào? (thường xuyên qua lại thăm hỏi, giúp đỡ nhau...)
- Tình cảm của gia đình em (bản thân em) đối với người hàng xóm như thế nào?
- Em sẽ làm gì để tình cảm của gia đình mình với người hàng xóm luôn thân thiết, gắn bó?

II. Bài tập

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Mùa hè năm nay gia đình em chuyển đến nơi ở mới. Người hàng xóm đầu tiên mà em quen là chị Diệp. Chị có dáng người cao cao. Mái tóc của chị dài và luôn được

tết gọn gàng. Chị rất vui tính. Mỗi khi chị cười để lộ chiếc răng khểnh trông thật duyên. Buổi chiều nào chị cũng sang nhà em chơi. Lúc đầu em còn rất bỡ ngỡ nhưng nhờ có chị nên em đã làm quen được với rất nhiều bạn mới. Rồi chị dẫn em ra nhà văn hóa, sân chơi, vườn hoa. Em rất vui được làm bạn với chị Diệp. Em mong chị Diệp mãi mãi ở gần nhà em.”

(Sưu tầm)

- a. Trong đoạn văn trên, bạn nhỏ đã kể về ai?
- b. Bạn nhỏ quen người được kể trong hoàn cảnh nào?
- c. Khi tả người hàng xóm, bạn nhỏ chú ý đến những đặc điểm nào? Theo em, vì sao bạn nhỏ lại chọn những đặc điểm ấy?
- d. Bạn nhỏ và người hàng xóm của mình gắn bó thân thiết như thế nào?
- e. Tình cảm, suy nghĩ của bạn nhỏ về người hàng xóm?

PHIẾU CUỐI TUẦN 08

Bài 1. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để hoàn chỉnh các câu tục ngữ nói về mối quan hệ giữa những người trong cộng đồng:

- a. Một con ngựa cả tàu bỏ
- b. Nhường cơm
- c. Bán anh em xa,
- d. làm chẳng nên non
..... chụm lại nên hòn núi cao.

Bài 2. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để tạo câu có hình ảnh so sánh:

- a. Ông cụ hiền và tốt bụng như
- b. Chiếc xe lao về phía trước tựa
- c. Thành phố về đêm giống như
- d. Mặt hồ sáng trong tựa như

Bài 3. Nối từ ngữ thích hợp ở cột A với cột B để tạo câu kiểu “Ai làm gì?”:

A
1. Các chị học sinh trung học với tà áo dài duyên dáng
2. Hè tới, những chú ve sầu
3. Thấy bà cụ già ngồi đăm lưng, Ê-đi-xơn

B
a. kêu râm ran trong các vòm lá.
b. dừng lại hỏi thăm cụ.
c. đang rào bước tới trường.

Bài 4. Đặt câu hỏi cho bộ phận được gạch dưới trong các câu sau:

- a. Ông Trời quyết định đặt tên cho các loài cây.
- b. Mọi người giơ cao những vật linh thiêng tượng trưng cho niềm tin.

- c. Ở câu lạc bộ ngoại khóa, chúng em chơi bóng rổ, cầu lông, cờ vua và học múa.
- d. Em thường đi mua sách vào Chủ nhật.
- e. Bạn Minh đang chăm chú nghe giảng.
- f. Các cổ động viên đang cổ vũ hết mình cho trận thi đấu bóng đá.

Bài 5. Điền bộ phận trả lời câu hỏi “Ai?” hoặc trả lời câu hỏi “Làm gì?” vào chỗ trống:

- a. Hè về, trong các vòm lá, ve
- b. tích cực quyên góp tiền ủng hộ đồng bào vùng lũ lụt.
- c. quây quần sum họp trong căn nhà thật ấm cúng.
- d. Sau một hồi trống báo hiệu giờ ra chơi, chúng em
- e. kể chuyện cổ tích cho em nghe.

Bài 6. Tìm một thành ngữ hoặc tục ngữ thuộc chủ điểm cộng đồng và nêu cách hiểu của em về ý nghĩa của thành ngữ hoặc tục ngữ đó.

TUẦN 9: ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Bài 1. Điền vào chỗ trống **r/gi/d, s/x, l/n** thích hợp:

"Tôi cũng không hiểu ...õ

Bỗng tôi thấy thương yêu

Tôi ...inh ra vì ...ao

Tôi biết ...à có mẹ

Tôi đập vỡ màu ...âu

Đói, tôi tìm ...un ...ế

Bầu trời trong quả trứng

Ăn no ...oải cánh phơi

Bỗng thấy nhiều ...ó ...ộng

Bầu trời ở bên ngoài

Bỗng thấy nhiều ...ăng ...eo

Sao mà ...anh đến thế!"

(Xuân Quỳnh)

Bài 2. Điền vào chỗ trống **n/l, ch/tr, r/gi/d** thích hợp:

Lớp học mùa đông

"Phòng họcà chiếc áo

Bọc chúng mình ởong

Cửa sổ làiếc túi

.....eăn ngonó đông

Những then cài là cúc

Ngăn cản hạt mưa vào

.....ù vangền sấm sét

.....ốp mình có ngại đâu?

Mangung một chiếc áo

Nặngiềm thương bạn bè

.....ầu bên ngoàiét buốt

Nhưngốp mình ấm ghê!"

(Theo Nguyễn Lâm Thắng)

Bài 3. Gạch dưới từ viết sai chính tả trong mỗi nhóm từ sau:

a. con châu, trẻ trung, chín chắn, chập chững

b. lung linh, nóng nánh, lượn lờ, lú lo

c. sản xuất, xấu xí, xinh xắn, xan xẻ

d. duyên dáng, dịu dàng, dung dinh, giận dữ

Bài 4. Gạch dưới tiếng viết sai chính tả rồi sửa lại:

a. chang trí

b. chầm chồ

c. từ trối

d. lạ hắc

e. nghe ngóng

f. rọt sương

Bài 5. Điền dấu chấm, dấu phẩy thích hợp vào đoạn sau và viết hoa đầu câu:

“Xa xa mấy chiếc thuyền nữa cũng đang chạy ra khơi cánh buồm lồng vút cong thon thả mảnh buồm nhỏ xíu phía sau nom như một con chim đang đỗ sau lá cổ rướn cao sắp cất lên tiếng hót”

Bài 6. Gạch dưới các từ viết sai trong đoạn dưới đây. Chép lại đoạn văn sau khi đã sửa lỗi và thêm dấu câu thích hợp.

“Vàng trắng vàng thắm đang từ từ nhô nên sau lũy tre làng nàn gió nồm lam thổi mát dưới trăng óng ánh trên hàm giăng trắng đậu vào đáy mắt trắng ôm ấp mái tóc bạc của các cụ già”

Bài 7. Điền từ chỉ hoạt động, trạng thái để hoàn chỉnh các câu sau:

- Em bé đang rất ngon thì có một tiếng động mạnh làm bé thức giấc.
- Ngày mùa, mới sáng sớm tinh mơ, mọi người đã hối hả ra đồng lúa.
- Mặt trời những tia nắng chói chang xuống mặt đất.
- Đám trẻ thỏa thích mặc trời đang mưa rất to.

Bài 8. Khoanh vào các chữ cái trước những câu viết theo kiểu “Ai làm gì?”:

- Hồ về thu, nước trong vắt, mênh mông.
- Nhà văn Mĩ nổi tiếng Mác Tuên rất có khiếu khôi hài.
- Bố mua cho em một chiếc bàn học rất đẹp.
- Những chú chim đang hót trong vòm lá.
- Chú nhìn cái lỗ hổng dưới chân hàng rào rồi quyết định chui qua đó.

Bài 9. Đọc đoạn văn sau rồi trả lời các câu hỏi:

“Trăng cuối tháng vàng và nhọn như một chiếc ngà non đã ló ra khỏi đỉnh núi. Trời đầy sao. Gió lộng trên những cành cây cao nhưng trong rừng thì hoàn toàn yên tĩnh. Hoa lá, quả chín, những vạt nấm ẩm ướt và con suối chảy dưới chân đưa nhau tỏa mùi thơm. Những đốm sáng lân tinh trên gỗ và trên lá mục lấp lánh.”

(Trích “Đêm trong rừng” – Vũ Hùng)

- Gạch dưới hình ảnh so sánh có trong đoạn văn.
- Câu “Trời đầy sao.” thuộc kiểu câu kể nào?
- Câu “Trăng cuối tháng vàng và nhọn như một chiếc ngà non đã ló ra khỏi đỉnh núi.” có mấy từ chỉ đặc điểm? Đó là những từ nào?
- Câu “Gió lộng trên những cành cây cao nhưng trong rừng thì hoàn toàn yên tĩnh.” có mấy từ chỉ sự vật? Đó là những từ nào?

Bài 10. Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

“Điều kì thay, trong một ngày, Cửa Tùng có ba sắc màu nước biển. Bình minh, mặt trời như chiếc thau đồng đỏ ối chiếu xuống mặt biển, nước biển nhuộm màu hồng nhạt. Trưa, nước biển xanh lơ và khi chiều tà thì đổi sang màu xanh lục.”

(Trích “Cửa Tùng” – Theo Thụy Chương)

- Các từ chỉ hoạt động trong đoạn văn là:
- Gạch dưới câu văn có hình ảnh so sánh.
- Hình ảnh so sánh trong đoạn văn giúp em hình dung được điều gì thú vị?

Bài 11. Viết một đoạn văn khoảng 8 câu kể về ngôi trường thân yêu của em.

PHIẾU CUỐI TUẦN 09

Bài 1. Gạch dưới các câu kiểu “Ai là gì?”:

“Quê hương là con diều biếc
Tuổi thơ con thả trên đồng
Quê hương là con đò nhỏ
Êm đềm khua nước ven sông.”

(Đỗ Trung Quân)

Bài 2. Thực hiện các yêu cầu sau:

a. Gạch dưới các câu kiểu “Ai làm gì?” trong đoạn văn dưới đây:

“Từ buổi ấy, Bồ Nông con mò mẫm đi kiếm mồi. Đêm đêm, chú ra đồng xúc tép, xúc cá. Trên đồng nẻ, dưới ao khô, cua cá chết gần hết. Bắt được con mồi nào, chú Bồ Nông cũng ngậm vào miệng để phần mẹ.”

(Theo Phong Thu)

b. Ghi lại từng câu tìm được vào chỗ trống thích hợp trong bảng sau:

Ai (con gì)?	Làm gì?

Bài 3. Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được gạch dưới:

a. Me là người luôn lo lắng, chăm sóc cho em mỗi ngày.

b. Em giúp me nấu cơm, quét nhà.

c. Tối tối, bà thường kể chuyện cổ tích cho em nghe.

d. Những cặp chào mào hiệu động thoát đậu, thoát bay, liến thoắng gọi nhau choách choách.

e. Tiếng ve râm ran như tiếng nhạc chiều êm ả.

Bài 4. Gạch dưới các hình ảnh so sánh trong những câu sau. Chỉ ra tác dụng của các hình ảnh so sánh đó.

a. "Tiếng suối trong như tiếng hát xa
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa."
(Hồ Chí Minh)

b. "Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra."

Bài 5. Gạch dưới các từ chỉ hoạt động, trạng thái trong đoạn trích sau:

a.	"Cô bạn cấy lúa	Còn con bạn bú
	Chú bạn đánh thù	Bạn ngủ bạn chơi
	Mẹ bạn hát ru	Bạn tập khóc cười
	Bà bạn thổi nấu.	Bạn nhìn ánh sáng."

(Trích "Bạn" – Trinh Đường)

b. "Năm nay, tôi sẽ đi học. Ông ngoại dẫn tôi đi mua vở, chọn bút, hướng dẫn tôi bọc vở, dán nhãn, pha mực và dạy tôi những chữ cái đầu tiên."

(Theo Nguyễn Việt Bắc)

ĐỀ LUYỆN 02

Bài 1. Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi:

Bé nhìn xung quanh

“Mai Tết rồi. Bé sắp thêm một tuổi. Nghĩ thế, bé cảm thấy mình đã lớn, như trông thấy cái năm mới đang lon ton đến gần.

Cây bàng bờ ao lá đỏ chóa. Từng chiếc lá bay xuống. Cành cây đen thui, đợi mai kia bụi rắc lên, mầm xanh mới sẽ ló ra. Ờ, có lẽ năm nào cái lá cây cũng thế. Nhưng năm nay bé mới để ý các thứ. Chim ở đâu bay về nhiều nhiều.

Những chú chim hét đen biếc, từng đàn đổ xuống bờ tre, tìm ăn giun. Con đê kẻ dài một nét xanh mờ.

Chú bò mãi miết ghé mõm lúi túi cỏ ngắn tũn. Tiếng gặm sồn sột, khó nhọc. Chú ấy dường như không biết có đàn sáo mỏ vàng vừa đậu xuống lưng. Sáo dũi mỏ, bới vào từng khoáy lông bò, tìm con bọ...

Bé chú ý nhìn xung quanh... Cuộc sống xung quanh là một cuộc sống tuyệt vời.”

(Tô Hoài)

1. Câu chuyện kể về tâm trạng của ai?

- a. bé b. chú bò c. chú chim hét d. đàn sáo mỏ vàng

2. Bé chú ý tới những gì xung quanh mình?

- a. những cái cây, những đàn sáo mỏ vàng
b. những cái cây, những con vật, những âm thanh
c. những âm thanh, những nhành cây
d. con người và đàn chim

3. Câu “Tiếng gặm sồn sột, khó nhọc.” nói về đối tượng nào?

- a. con bọ b. chú bò c. đàn chim d. con sáo

4. Bé có cảm nhận gì về cuộc sống?

- a. Cuộc sống xung quanh mình đang dần thay đổi.
b. Các con vật đều say mê với công việc của mình.
c. Cảnh vật rất sinh động và tràn đầy sức sống.
d. Cuộc sống xung quanh là một cuộc sống tuyệt vời.

Bài 2. Gạch dưới các từ chỉ hoạt động có trong đoạn văn sau:

"Mùa thu dịu dàng đã tới. Chim chóc múa điệu đẹp nhất để đón mùa thu và chia tay mùa hạ. Bồ câu trắng thích chung sống hòa bình. Cả đàn cùng cất cánh, bay vút lên bầu trời thu xanh thắm. Xòe rộng chiếc đuôi dài óng ánh, chàng công nhún nhảy đôi chân duyên dáng, mềm mại." (Theo Lê Bích Ngọc)

Bài 3. Đặt câu hỏi cho bộ phận được gạch dưới trong các câu sau:

a. Đàn sếu đang rải cánh trên cao.

b. Thủy Tinh hồ mưa, gọi gió, dâng nước lên cuộn cuộn.

Bài 4. Nghĩ về người bà kính yêu của mình, nhà thơ Nguyễn Thụy Kha viết:

"Tóc bà trắng tựa mây bông
Chuyện bà như giếng cạn xong lại đầy."

a. Gạch dưới các từ chỉ sự vật trong hai dòng thơ trên.

b. Viết một đoạn văn khoảng 7 câu kể về người bà kính yêu của em. Đoạn văn có hình ảnh so sánh.



ARCHIMEDES

MẦM NON ARCHIMEDES KIDS

Trung Yên 10, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 098 713 5966

TIỂU HỌC ARCHIMEDES ACADEMY

Trường Công Giai, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 094 396 6166

THCS ARCHIMEDES ACADEMY

Trung Yên 10, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 094 769 7171

TH, THCS & THPT ARCHIMEDES ĐÔNG ANH

Lô I-F1, Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội
ĐT: 039 235 3535